**Unit 11 -Grammar E8-Part 1**

I - Các dạng thức của hiện tại phân từ và quá khứ phân từ

 (Forms of Present Participles and Past Participles)

**1. Cách thành lập hiện tại phân từ (Forms of Present Participles)**
Hiện tại phân từ được thành lập bằng cách **thêm đuôi –ing vào phía sau động từ**.
Ví dụ:
It’s raining now. (Trời đang mưa.)
That cartoon is interesting. (Bộ phim hoạt hình đó rất thú vị.)
The girl lending me this book is my best friend. (Cô gái cho tôi mượn quyển sách này là người bạn thân nhất của tôi.)

**2. Cách thành lập quá khứ phân từ(Forms of Past Participles)**
Nếu là **động từ theo quy tắc ta thêm –ed** vào phía sau, còn đối với **động từ bất quy tắc, ta tra ở cột 3 trong bảng động từ bất quy tắc**.
Ví dụ:
She has been to Paris twice. (Cô ấy đã đến Paris hai lần rồi.)
I was really interested in that football match. (Tôi thực sự thích trận bóng đá đó.)
Yesterday I bought a bag made in France. (Hôm qua tôi đã mua một chiếc túi được sản xuất tại Pháp.)

II - Các chức năng của hiện tại phân từ và quá khứ phân từ

 (Functions of Present Participles and Past Participles)

**1. Được sử dụng như động từ chính trong một số thì.**
Ví dụ:
I’m cooking at the moment. (Bây giờ tôi đang nấu ăn.)
I am a writer. I have written four novels. (Tôi là một nhà văn. Tôi đã viết được 4 cuốn tiểu thuyết rồi.)

**2. Có chức năng giống như tính từ bổ nghĩa cho danh từ.**
Nhóm 1: động từ chỉ cảm xúc (**emotive verbs**): **interest** (làm cho thích thú), **excite** (kích động, làm cho thích thú), **annoy** (chọc tức), **amaze** (gây ngạc nhiên)
- Hiện tại phân từ *(interesting, exciting, annoying, amazing, ...)* làm tính từ bổ nghĩa về tính chất của danh từ chỉ người hay vật.
- Quá khứ phân từ *(interested, excited, annoyed, amazed, ...)* làm tính từ miêu tả cảm xúc của người.
Ví dụ:
That cartoon is interesting. (Bộ phim hoạt hình đó rất thú vị.)
He is an interesting man. (Anh ấy là một người đàn ông thú vị.)
My sister is interested in knitting. (Em gái tôi thích đan len.)

Nhóm 2: một số động từ chỉ hành động khác (**other action verbs**): **break** (vỡ), **freeze** (đông cứng), **lead** (dẫn tới)
- Hiện tại phân từ *(breaking, freezing, leading, ...)* làm tính từ mang ý chủ động.
- Quá khứ phân từ *(broken, frozen, led, ...)* mang ý bị động.
Ví dụ:
The crying baby woke his mom up last night. (Đêm qua đứa trẻ khóc lóc đã đánh thức mẹ nó dậy.)
The broken vase is still on the floor. (Cái lọ hoa bị vỡ vẫn đang ở trên sàn nhà.)

**3. Làm tính từ trong một cụm từ bổ nghĩa cho danh từ đứng trước**
Ví dụ:
This club is for students interested in English. (Câu lạc bộ này giành cho các học sinh có hứng thú với tiếng Anh.)
The girl lending me this book is my best friend. (Cô gái cho tôi mượn quyển sách này là người bạn tốt nhất của tôi.)
The tuna kept in the fridge has already expired. (Cá ngừ được để trong tủ lạnh đã hết hạn rồi.)